

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 121/2017/HSPT

Ngày: 02- 11 -2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Các Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

- Bà Hoàng Thị Thơ

- Ông Lê Thanh Vân

Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Quốc Nam- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103 /2017/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo Bùi Thị Trúc L, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/ HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang:

*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị

Bùi Thị Trúc L , sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Chợ 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Chỗ ở hiện nay: Khu phố Chợ 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Nghề nghiệp : Nội trợ

Trình độ văn hóa : 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo : không

Con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị P

Bị cáo có chồng (đã ly hôn), con có 02 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú tại Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16 ngày 18/4/2017.

Bị cáo tại ngoại

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có người bị hại nhưng bị hại không có kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện G và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 18/3/2017, Bùi Thị Trúc L đến nhà chị Nguyễn Thị Huyền TR để đòi nợ chị TR số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Do chị TR không trả tiền cho L, nên chị TR và L xảy ra cự cãi nhau, trong lúc cự cãi L đã đi ra phía sau nhà chị TR lấy một tấm thớt bằng gỗ, hình tròn, màu nâu, đường kính 25,8 cm đập vào màn hình tivi hiệu samsung 32inch của chị TR làm hư hỏng hoàn toàn không còn sử dụng được.

Theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KL – HĐĐG ngày 24/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện G , tỉnh Tiền Giang, định giá tài sản bị thiệt hại là 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng)

- Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trao trả cho chị TR 01 tấm thớt bằng gỗ, hình tròn, màu nâu, đường kính 25,8cm và 01 màn hình tivi bị bể hiệu Samsung 32inch

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Trúc L phạm vào tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 143, điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2013 ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Trúc L 06(sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án

- Giao bị cáo Bùi Thị Trúc L cho Ủy ban nhân dân thị trấn V huyện G, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục bị cáo L trong thời gian thử thách

Ngoài ra án sơ thẩm án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Ngày 08 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị số 1290/ QĐ –KNPT, đề nghị TAND tỉnh Tiền Giang đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo hướng Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử lại cụ thể là:

***Thứ nhất :** Tronh phần nội dung của bản án gốc và bản án phát hành:

– Trong phần nội dung của bản án gốc số 31/2017/HSST ngày 09/8/2017 của TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang ghi : Viện kiểm sát đề nghị áp dụng pháp luật như sau: “Áp dụng khoản 1 Điều 143, điểm b,h,p khoản 1 Điều 46, Điều 60 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009”;

Trong khi phần nội dung của bản án phát hành ghi “ Áp dụng khoản 1 Điều 143, điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; NQ số 01/2013 ngày 06/11/2013 của HĐTP Tòa án

nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; NQ số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của BLTTHS số 101/2015/QH13, luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13

***Thứ hai :** Về phần quyết định của bản án gốc và án phát hành :

- **Bản án gốc ghi:** “Áp dụng khoản 1 Điều 143, điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015; NQ số 01/2013 ngày 6/11/2013 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao”

- **Bản án phát hành chỉ ghi :** “ Áp dụng khoản 1 Điều 143, điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS

Ngoài ra bản án gốc trong phần” xét thấy” hoàn toàn không có sự so sánh quy định giữ BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung để nhận xét đánh giá xác định hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp được áp dụng quy định có lợi để xử phạt bị cáo là trái với Điều 224 BLTTHS; NQ số 04/2004 ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Công văn số 276/TANDTC – PC ngày 13/9/2016 và Công văn số 327/TANDTC –PC ngày 7/11/2016 của TANDTC hướng dẫn áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội. Án sơ thẩm tuyên xử cho bị cáo được hưởng án treo nhưng không ghi “ Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự” là chưa thực hiện đúng quy định của NQ số 01/2013 ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Trúc L thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

“ Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:”

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thị Trúc L đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thể hiện : Vào khoảng 14 giờ ngày 18/3/2017, Bùi Thị Trúc L đến nhà của chị Nguyễn Thị Huyền TR để đòi nợ. Tại đây giữa chị TR và bị cáo cự cãi với nhau, trong lúc cự cãi L đi vào phía nhà sau chị TR lấy một tấm thớt bằng gỗ tròn đập vào màn hình tivi của chị TR làm hư hỏng hoàn toàn, giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng). Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 143 BLHS

là đúng người đúng tội và xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12(mười hai) tháng. Sau khi xét xử bị cáo không kháng cáo.

Xét Quyết định kháng nghị số 1290/QĐ – VKS- P7 ngày 08/9/2017 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang, HĐXX nhận thấy Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ. Bởi tại Công văn số 327/TANDTC – PC ngày 07/11/2016 hướng dẫn về việc viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 trong bản án. “...Nếu có căn cứ để xác định bị cáo có tội nhưng thuộc trường hợp được áp dụng quy định có lợi của BLHS năm 2015 thì trong phần “ xét thấy” của bản án Tòa phải phân tích làm rõ các điều khoản tương ứng của hai bộ luật (BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015). Trong phần “quyết định” của bản án, tòa án viện dẫn điều khoản của BLHS năm 1999, nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm. Tại bản án sơ thẩm trong phần “ xét thấy ” của bản án gốc hoàn toàn không viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội, nhưng trong phần quyết định thì lại áp dụng như vậy là trái với Điều 224 BLTTHS năm 2003, NQ số 04 ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Công văn số 276/TANDTC – PC ngày 13/9/2016, Công văn số 327/ TANDTC – PC ngày 07/11/2016. Đồng thời tại **bản án gốc (BL số 79)** thì ghi ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: “ Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b,h,p khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS”. Tại **bản án phát hành (trang 2 BL số 85)** thì lại ghi ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: “ Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 33; BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của BLTTHS số 101/2015/QH13, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13” điều này cho thấy trong phần nội dung của bản án gốc và bản án phát hành cũng đã có sự khác nhau.

*Trong phần quyết định của bản án gốc và bản án phát hành về phần áp dụng điều luật cũng khác nhau

-Phần quyết định của bản án gốc ghi: Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015; NQ số 01/2013, ngày 06/11/2013 của HĐTP-TANDTC

-Phần quyết định của bản án phát hành ghi: Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b,h,p khoản 1,khoản 2 Điều 46 BLHS.

Ngoài ra án sơ thẩm tuyên xử cho bị cáo được hưởng án treo nhưng lại không ghi: “ Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự” là chưa đúng với quy định của NQ số 01/2013/HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013.

Như vậy trong một vụ án, xét xử một bị cáo lại có 02 bản án khác nhau điều này cho thấy khi xét xử Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc ra bản án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, để đảm bảo được trình tự

thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng nghị số 1290/QĐ – VKS – P7 ngày 08/9/2017, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có cơ sở. HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gtỉnh Tiền Giang để xét xử lại với thành phần HĐXX mới.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ HĐXX chấp nhận

Vì các lẽ trên ;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248, điểm a khoản 2 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Gtỉnh Tiền Giang xét xử lại theo quy định của pháp luật.

2. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh TG
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG
- Phòng KTNV và THA (TAT)
- Công an huyện G,tỉnh TG;
- VKSND huyện G, tỉnh TG;
- THADS huyện G, tỉnh TG;
- TAND huyện G, tỉnh TG
- Bị cáo
- lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

